TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2017/DS-PT
Ngày: 29-12-2017
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2017 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1942;

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1941;

Cùng địa chỉ: 26 NT, ấp 3, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 140 N, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị N và ông Trần Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm.

(Các đương sự có mặt, Chi cục thi hành án dân sự có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2016, ngày 06 tháng 01 năm 2017, đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại bổ sung ngày 13 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Võ Thị N, ông Trần Văn P trình bày:

Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thi hành bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An lấy đất của vợ chồng ông bà để giao cho bà Trần Thị Mỹ L. Khi nhận phần đất do Chi cục thi hành án dân sự thành phố T giao bà L đã dùng Kobe và cưa máy đến đập phá chuồng trại chăn nuôi heo, gà, vịt và cây cối của vợ chồng ông bà. Việc làm của bà L đã làm cho ông bà bị thiệt hại về tài sản như sau:

- Chết 03 con heo mọi, mỗi con 50kg; trị giá 1.000.000đ/con x 03 con = 3.000.000đ.

- 230 vịt siêu trứng nuôi 03 tháng 15 ngày; trị giá 150.000đ/con x 230 con = 34.500.000đ.

- 185 con gà tàu nuôi 02 tháng 15 ngày; trị giá 30.000đ/con x 185 con = 5.550.000đ.

- 200 con bồ câu mới nở; trị giá 30.000đ/con x 200 con = 6.000.000đ.

- 200 trứng bồ câu sắp nở; trị giá 30.000đ/con x 200 trứng = 6.000.000đ.

- 06 cây dừa đang ăn trái; trị giá 5.000.000đ/cây x 6 cây = 30.000.000đ.

- 40 cây mít đang ra trái và ra nụ; trị giá 3.000.000đ/cây x 40 cây = 120.000.000đ.

- 20 cây chanh giấy; trị giá 3.000.000đ/cây x 20 cây = 60.000.000đ.

- 200 tấm tôn (bị hư bể) x 50.000đ/01tấm = 10.000.000đ.

- Nhà bồ câu trị giá 10.000.000đ.

- Chuồng heo trị giá 10.000.000đ.

- Tấm tường dài 60 m trị giá 20.000.000đ.

- 05 năm hồ nước x 1.000.000đ/hồ = 5.000.000đ (05 cái hồ nước bà L di dời xuống bỏ ở mé sông).

Tổng giá trị thiệt hại mà bà L gây ra cho ông bà là 320.050.000đ.

Nay ông P, bà N khởi kiện yêu cầu bà L bồi thường cho ông bà số tiền 320.050.000đ do hành vi sử dụng Kobe, cưa máy đập phá tài sản của ông bà trên phần đất bị thi hành án.

Bị đơn, bà Trần Thị Mỹ L, có lời trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa có nội dung:

Bà được cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thi hành bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nên ngày 06 tháng 4 năm 2016 tại thửa đất số 514 - 494 tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp 3, xã B, thành phố T, tỉnh Long An Cơ quan thi hành án tổ chức cưỡng chế buộc bà Võ Thị N và ông Trần Văn P phải tiến hành di dời tài sản để giao đất lại cho bà. Trong quá trình cưỡng chế cơ quan thi hành án có tiến hành tháo dỡ, di dời các tài sản gồm:

- Nhà tạm bằng tole thiết trên đất: kèo, cột, đòn tay làm bằng gỗ tạp đã qua sử dụng mối mọt ăn hư hỏng không còn giá trị sử dụng. Phần vách mái tôn thiết đã qua sử dụng rỉ sét không còn giá trị sử dụng.

- Hồ đựng nước: gồm có 05 hồ đựng nước loại hồ tròn đúc bằng xi măng.

- Chuồng heo: Tháo dỡ một phần nhỏ mái che của chuồng heo nằm bên phần đất bị cưỡng chế.

Sau khi tháo dỡ, toàn bộ những vật dụng tháo dỡ được di dời sang nhà và đất của bà Võ Thị N và ông Trần Văn P. Việc tháo dỡ các tài sản trên đất đều được cơ quan thi hành án lập biên bản căn cứ theo Biên bản tháo dỡ, di dời, giao bảo quản tài sản cưỡng chế ngày 06 tháng 4 năm 2016.

Bà xác định việc tổ chức cưỡng chế và di dời, tháo dỡ tài sản của bà N, ông P do cơ quan thi hành án thực hiện, bà chỉ thực hiện việc nhận đất khi được cơ quan thi hành án giao cho. Khi cơ quan thi hành án cưỡng chế xong, giao lại cho bà phần đất thuộc sở hữu của bà theo quyết định của bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì trên đất không có tài sản nào nên bà cũng không có thực hiện hành vi nào để phá hủy tài sản của ông P, bà N có trên đất.

Nay bà N, ông P yêu cầu bà phải bồi thường cho bà số tiền 320.050.000đ bà không đồng ý vì bà không có thực hiện hành vi nào gây thiệt hại tài sản cho bà N, ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, có lời trình bày trong hồ sơ thể hiện:

Căn cứ Bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Căn cứ Quyết định thi hành án số 213/QĐ-CCTHA ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T cho thi hành án đối với bà Võ Thị N và ông Trần Văn P; địa chỉ: 26 NT, xã B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An cho bà Trần Thị Mỹ L. Phần đất bị thi hành án có vị trí tiếp giáp như sau:

- Đông giáp thửa số 515, 533, 495 và một phần thửa 494 (khu A).

- Tây giáp thửa 513 và 493.

- Nam giáp thửa 513.

- Bắc giáp đường NT.

(Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất tranh chấp do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 18 tháng 7 năm 2008 và ngày 02 tháng 12 năm 2008).

Buộc bà Võ Thị N và ông Trần Văn P phải di dời 05 hồ nước; tháo dỡ toàn bộ nhà tạm (bằng tole) xây cất trái phép và một chuồng heo không còn giá trị sử dụng (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 29 tháng 11 năm 2013) trên phần đất của bà Trần Thị Mỹ L.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An đã tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định nhưng bà Võ Thị N và ông Trần Văn P vẫn không tự nguyện thi hành án. Do đó, ngày 06 tháng 4 năm 2016 Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã phối hợp với các ngành của thành phố T và Ủy ban nhân dân xã B tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với bà Võ Thị N, ông Trần Văn P để giao đất cho bà Trần Thị Mỹ L đúng theo như bản án đã tuyên và không có để xảy ra bất cứ thiệt hại nào đối với tài sản của bà N, ông P.

Ngoài ra, theo bản án còn tuyên buộc bà Trần Thị Mỹ L thanh toán giá trị các cây trồng trên đất với số tiền là 3.281.000đ cho bà Võ Thị N và ông Trần Văn P, bà L đã thi hành xong số tiền này.

Đối với vụ án này, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T đã căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 14, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N, ông Trần Văn P về việc yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L bồi thường số tiền 320.050.000đ về hành vi gây thiệt hại tài sản của bà Võ Thị N, ông Trần Văn P.

2. Buộc bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000đ, bà N, ông P đã nộp xong.

3. Buộc bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L chi phí định giá là 400.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xen xét thẩm định, định giá và án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08 và 09/8/2017 nguyên đơn bà Võ Thị N và ông Trần Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm đã xử vì ông, bà cho rằng bà L đã gây thiệt hại về tài sản cho vợ chồng bà nhưng cấp sơ thẩm không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị N và ông Trần Văn P không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới vẫn bảo lưu lời trình bày và yêu cầu như sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến cho rằng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị N, ông Trần Văn P và yêu cầu khởi kiện của hai đương sự, yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông, bà trên phần đất bị cưỡng chế vào ngày 06 tháng 4 năm 2016. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của đương sư như án sơ thẩm đã xử là có cơ sở, bà N, ông P kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thên chứng cứ gì mới nên không cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của bà Võ Thị N và ông Trần Văn P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Võ Thị N và ông Trần Văn P khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L bồi thường cho ông, bà số tiền 320.050.000đ do bà L có hành vi dùng Kobe và cưa máy đập phá tài sản của ông, bà có trên phần đất bị thi hành án theo Bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An được Chi cục thi hành án thành phố T thực hiện cưỡng chế thi hành án ngày 16/4/2016. Ông P, bà N cho rằng việc cưỡng chế thi hành án đối với ông bà là trái quy định pháp luật do bà N và ông P đã nộp đơn khiếu nại Giám đốc thẩm Bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An tại Tòa án nhân dân tối cao nên bản án này chưa có hiệu lực pháp luật thi hành, việc bà L nộp đơn yêu cầu thi hành án là không đúng gây thiệt hại về tài sản của ông bà.

Xét thấy, từ khi bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật thì Cơ quan thi hành án đã tạo điều kiện cho ông P, bà N tự nguyện thực hiện việc di dời tài sản hiện hữu trên phần đất bị thi hành án nhưng ông P, bà N không thực hiện nên cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Theo các văn bản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T về việc cưỡng chế không thể hiện các tài sản bị thiệt hại theo lời trình bày của ông P, bà N ngoại trừ 05 hồ đựng nước bằng xi măng nhưng đã được di dời sang phần đất của ông P bà N. Ông P, bà N cũng không chứng minh được tại thời điểm cơ quan thi hành án tiến hành cưỡng chế thi hành án có những tài sản trên đất theo như ông bà trình bày. Đồng thời, ông P bà N trình bày bà L thực hiện việc đập phá tài sản của ông bà sau khi cơ quan

thi hành án ra về nhưng không có chứng cứ chứng minh hành vi gây thiệt hại về tài sản của bà L.

Về đơn khiếu nại giám đốc thẩm của ông P, bà N yêu cầu xem xét lại bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhưng đến nay thì Tòa án vẫn chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào tuyên hủy Bản án, hoặc quyết định hoãn, hoặc tạm đình chỉ thi hành án đối với bản án phúc thẩm này nên bà L nộp đơn để yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành bản án giao đất cho bà là phù hợp với quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Đồng thời, bà L cũng đã thi hành xong phần nghĩa vụ của bà đối với ông P, bà N về việc bồi thường giá trị các cây trồng trên đất với số tiền là 3.281.000đ theo bản án số 294/2014/DS-PT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo biên lai thu tiền thi hành án số 0000144 ngày 23 tháng 8 năm 2016 do bà Trần Thị Mỹ L nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, nên ông P bà N yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại về cây trồng trên phần đất bị cưỡng chế thi hành án là không có căn cứ.

Từ những cơ sở trên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N, ông Trần Văn P yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L bồi thường số tiền 320.050.000đ là có căn cứ. Bà Võ Thị N, ông Trần Văn P kháng cáo yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không cơ sở xem xét và giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của kiểm sát viên.

[3] Về án phí phúc thẩm nguyên đơn bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Nhưng xét thấy hai đương sự đã lớn tuổi nên cho miễn phần còn lại mà đương sự phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị N, ông Trần Văn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 14, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N, ông Trần Văn P về việc yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L bồi thường số tiền 320.050.000đ về hành vi gây thiệt hại tài sản của bà Võ Thị N, ông Trần Văn P.

2. Buộc bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000đ, bà N, ông P đã nộp xong.

3. Buộc bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L chi phí định giá là 400.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải chịu 8.001.250đ. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị N, ông Trần Văn P đã nộp là 3.000.000đ theo biên lai thu số 0000940 ngày 09 tháng 11 năm 2016 và 313.750đ theo biên lai thu số 0001191 ngày 09 tháng 01 năm 2017 và 1.375.000đ theo biên lai thu số 0001380 ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang án phí dân sự sơ thẩm, bà N và ông P còn phải nộp thêm là 3.312.500đ.

5. Về án phí phúc thẩm:

Bà Võ Thị N, ông Trần Văn P phải liên đới nộp 300.000đ án phí phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ, theo biên lai thu số 0009397 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Số tiền còn lại 100.000đ miễn cho hai đương sự (đã nộp xong)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuấn Khải